

BẢNG 05
Lực lượng dự kiến huy động

(Kèm theo Phương án số: /PA-UBND ngày /5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh
Yên Bái)

STT	Lực lượng	Huyện	Xã, phường, thị trấn	Tổng cộng
	TỔNG CÁC LỰC LƯỢNG	5.777	68.333	74.110
I	BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH	1.096	0	1.096
1	Thường trực	135		135
2	Trung đoàn 174/Sư đoàn 316/QK2	200		200
3	Sư đoàn 355/QK2	60		60
4	Trung đoàn không quân 921/Sư đoàn 371	120		120
5	Nhà máy Z183/TC CNQP	40		40
5	Dự bị động viên (01 tiểu đoàn)	541		541
II	THÀNH PHỐ YÊN BÁI	730	3.652	4.382
1	Quân đội	450		450
2	Công an		210	210
3	Cơ động	150		150
4	Dự bị động viên	110		110
5	Dân quân tự vệ		917	917
6	Đội xung kích PCTT		965	965
7	Phụ nữ		210	210
8	Đoàn thanh niên		280	280
9	Y tế	20	60	80
10	Hội chữ thập đỏ		70	70
11	Mặt trận tổ quốc		410	410
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn		220	220
13	Các trường học		310	310
14	Lực lượng khác (nếu có)			0
III	HUYỆN TRẦN YÊN	600	11.353	11.953
1	Quân đội	473	810	1.283
2	Công an		678	678
3	Cơ động			0
4	Dự bị động viên	110		110
5	Dân quân tự vệ		1.292	1.292
6	Đội xung kích PCTT		4951	4.951
7	Phụ nữ	2		2
8	Đoàn thanh niên	2	472	474

STT	Lực lượng	Huyện	Xã, phường, thị trấn	Tổng cộng
9	Y tế	5	229	234
10	Hội chữ thập đỏ	1	72	73
11	Mặt trận tổ quốc	2		2
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn	5		5
13	Các trường học			0
14	Lực lượng khác (nếu có)		2.849	2.849
IV	HUYỆN TRẠM TẤU	608	5.807	6.415
1	Quân đội	82	12	94
2	Công an		150	150
3	Cơ động	5	372	377
4	Dự bị động viên	110	500	610
5	Dân quân tự vệ	50	800	850
6	Đội xung kích PCTT		972	972
7	Phụ nữ	2	200	202
8	Đoàn thanh niên	100	1.600	1.700
9	Y tế	5	36	41
10	Hội chữ thập đỏ	1	12	13
11	Mặt trận tổ quốc	3	793	796
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn	150		150
13	Các trường học	100	300	400
14	Lực lượng khác (nếu có)		60	60
V	HUYỆN MÙ CANG CHẢI	290	5.229	5.519
1	Quân đội	82		82
2	Công an		168	168
3	Cơ động			0
4	Dự bị động viên	110		110
5	Dân quân tự vệ	82	1.081	1.163
6	Đội xung kích PCTT		786	786
7	Phụ nữ	3	224	227
8	Đoàn thanh niên	3	956	959
9	Y tế	6	56	62
10	Hội chữ thập đỏ	1	14	15
11	Mặt trận tổ quốc	3	14	17
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn		30	30
13	Các trường học			0
14	Lực lượng khác (nếu có)		1.900	1.900
VI	THỊ XÃ NGHĨA LỘ	1.007	15.124	16.131

STT	Lực lượng	Huyện	Xã, phường, thị trấn	Tổng cộng
1	Quân đội	82	1.596	1.678
2	Công an	126	87	213
3	Cơ động			0
4	Dự bị động viên	110		110
5	Dân quân tự vệ	689	1.064	1.753
6	Đội xung kích PCTT		1.322	1.322
7	Phụ nữ		6.640	6.640
8	Đoàn thanh niên		1.499	1.499
9	Y tế		285	285
10	Hội chữ thập đỏ		2.041	2.041
11	Mặt trận tổ quốc			0
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn		80	80
13	Các trường học			0
14	Lực lượng khác (nếu có)		510	510
VII	HUYỆN YÊN BÌNH	206	6.025	6.231
1	Quân đội	20	65	85
2	Công an		200	200
3	Cơ động	26	62	88
4	Dự bị động viên	110	1.355	1.465
5	Dân quân tự vệ		23	23
6	Đội xung kích PCTT		1.764	1.764
7	Phụ nữ	5	808	813
8	Đoàn thanh niên	10	260	270
9	Y tế	8	112	120
10	Hội chữ thập đỏ	23		23
11	Mặt trận tổ quốc	4	1.325	1.329
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn			0
13	Các trường học		51	51
14	Lực lượng khác (nếu có)			0
VIII	HUYỆN LỤC YÊN	204	7.962	8.166
1	Quân đội	20	61	81
2	Công an		265	265
3	Cơ động	28	17	45
4	Dự bị động viên	110	861	971
5	Dân quân tự vệ		1.381	1.381
6	Đội xung kích PCTT		1.875	1.875
7	Phụ nữ	2	1.029	1.031

STT	Lực lượng	Huyện	Xã, phường, thị trấn	Tổng cộng
8	Đoàn thanh niên	3	740	743
9	Y tế	15	95	110
10	Hội chữ thập đỏ	1	115	116
11	Mặt trận tổ quốc	5	260	265
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn	20	123	143
13	Các trường học		289	289
14	Lực lượng khác (nếu có)		851	851
IX	HUYỆN VĂN YÊN	248	8.284	8.532
1	Quân đội	82	606	688
2	Công an		408	408
3	Cơ động		586	586
4	Dự bị động viên	110	911	1.021
5	Dân quân tự vệ	15	671	686
6	Đội xung kích PCTT		1.321	1.321
7	Phụ nữ	2	588	590
8	Đoàn thanh niên	2	605	607
9	Y tế	15	146	161
10	Hội chữ thập đỏ	1	80	81
11	Mặt trận tổ quốc	3	144	147
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn	18	92	110
13	Các trường học		464	464
14	Lực lượng khác (nếu có)		1.662	1.662
X	HUYỆN VĂN CHẤN	788	4.897	5.685
1	Quân đội	20	48	68
2	Công an	0	131	131
3	Cơ động			0
4	Dự bị động viên	110		110
5	Dân quân tự vệ		1.463	1.463
6	Đội xung kích PCTT		1.689	1.689
7	Phụ nữ		380	380
8	Đoàn thanh niên	100	200	300
9	Y tế	6	72	78
10	Hội chữ thập đỏ	2	24	26
11	Mặt trận tổ quốc		24	24
12	Các doanh nghiệp trên địa bàn	150		150
13	Các trường học		216	216
14	Lực lượng khác (nếu có)	400	650	1.050